Phụ lục 1. Bảng chi tiết sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ quy hoạch

(Kèm theo Quyết định số 1552 /QĐ-UBND ngày 06 /9/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Tầng cao	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Hệ số sử dụng đất	Tỷ lệ (%)
I	**Đất Sử dụng hỗn hợp (Nhà máy, xí nghiệp, kho tàng, nhà xưởng…)**		**307.765,30**				**72,8**
1	Đất sử dụng hỗn hợp 01	HH-01	19.918,70	2	70	1,4	4,7
2	Đất sử dụng hỗn hợp 02	HH-02	47.427,30				
3	Đất sử dụng hỗn hợp 03	HH-03	39.509,40	2	70	1,4	9,3
4	Đất sử dụng hỗn hợp 04	HH-04	41.415,50	2	70	1,4	9,8
5	Đất sử dụng hỗn hợp 05	HH-05	33.472,90	2	70	1,4	7,9
6	Đất sử dụng hỗn hợp 06	HH-06	32.208,60	2	70	1,4	7,6
7	Đất sử dụng hỗn hợp 07	HH-07	6.496,30	2	70	1,4	1,5
8	Đất sử dụng hỗn hợp 08	HH-08	21.063,80	2	70	1,4	5
9	Đất sử dụng hỗn hợp 09	HH-09	48.277,20	2	70	1,4	11,4
10	Đất sử dụng hỗn hợp 10	HH-10	7.445,40	2	70	1,4	1,8
11	Đất sử dụng hỗn hợp 11	HH-11	10.530,20	2	70	1,4	2,5
II	**Đất hành chính dịch vụ**		**12.627,40**				**3**
1	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	12.627,40	3	40	1,2	3
III	**Đất cây xanh**		**56.281,20**				**13,3**
1	Cây xanh taluy		46.294,20				11
-	*Cây xanh taluy 01*	*CXTL-01*	*17.715,40*				

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Tầng cao	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Hệ số sử dụng đất	Tỷ lệ (%)
-	*Cây xanh taluy 02*	*CXTL-02*	*26.718,60*				
	Cây xanh taluy 03	*CXTL-03*	*547,30*				
	Cây xanh taluy 04	*CXTL-04*	*1.312,90*				
2	Cây xanh cảnh quan		9.987,00				2,4
-	*Cây xanh cảnh quan 01*	*CXCQ-01*	*1.553,10*				
-	*Cây xanh cảnh quan 02*	*CXCQ-02*	*8.433,90*				
IV	**Đất giao thông**		**34.652,60**				**8,2**
V	**Các khu kỹ thuật**		**11.372,40**				**2,7**
1	Trạm xử lý nước thải	TXLNT	4.800,00	1	40	0,4	1,1
2	Taluy	TL	6.572,40				1,6
Tổng cộng			**422.698,90**				**100**